TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM KHÊ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 35/2020/HNGĐ-ST Ngày 14-6-2021 V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đinh Quốc Phong

2. Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Nguyễn Thế Vinh- Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh PHÚ THỌ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 114/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2021 về việc: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/5/2021, giữa các đương sự:

1-***Nguyên đơn***: Chị **Nguyễn Thị P**- sinh năm 1989; nơi ĐKHKTT: Khu 09 (nay là khu Xóm C), xã C, huyện C, tỉnh PHÚ THỌ; chỗ ở hiện nay: Khu 07 (Nay là khu Đ), xã C, huyện C, tỉnh PHÚ THỌ. Có mặt.

2-***Bị đơn***: Anh **Nguyễn Văn T**- sinh năm 1986; nơi cư trú: Khu 09 (nay là khu Xóm C), xã C, huyện C, tỉnh PHÚ THỌ. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/12/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn với nhau ngày 24/01/2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C, tỉnh PHÚ THỌ. Sau khi kết hôn, vợ chồng ở chung nhà với bố mẹ đẻ anh T tại khu 09, xã

C, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được khoảng vài năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không hợp nhau về quan điểm sống và cách dạy bảo con chung nên vợ chồng thường xảy ra đánh, cãi nhau. Mặc dù hai bên gia đình nhiều lần khuyên giải nhưng không đạt kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên từ tháng 7/2019 đến nay, chị P về ở với bố mẹ đẻ của chị tại khu 07 (Nay là khu Đ), xã C và vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Xuân N- sinh ngày 11/11/2013, Nguyễn Thị Hà V- sinh ngày 21/12/2017. Hiện con chung ở cùng anh T. Nếu ly hôn, chị P đề nghị được trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Thị Hà V, anh T trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Xuân N và không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 05/3/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, thời gian phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian vợ chồng sống ly thân đúng như nguyên đơn là chị P đã trình bày. Nay chị P yêu cầu ly hôn, anh T cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như nguyên đơn là chị P đã trình bày. Nếu ly hôn, Anh T đề nghị được trực tiếp nuôi 02 con chung và yêu cầu chị P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đồng/02 con/tháng.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu đã trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng dân sự: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Hà V- sinh ngày 21/12/2017 cho chị Nguyễn Thị P trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung là Nguyễn Xuân N- sinh ngày 11/11/2013 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị P, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đánh giá đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Tranh chấp giữa chị P và anh T là "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình". Bị đơn là anh T có nơi cư trú tại xã Chương Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh PHÚ THỌ. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh PHÚ THỌ thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về ý kiến, yêu cầu của đương sự:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị P và anh T đảm bảo các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình, nên đó là hôn nhân hợp pháp. Chứng cứ thu thập được và lời trình bày của đương sự cho thấy, trong quá trình chung sống, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do vợ chồng không hợp nhau về quan điểm sống và cách dạy bảo con chung nên thường xảy ra đánh, chửi nhau. Mặc dù hai bên gia đình nhiều lần khuyên bảo nhưng không đạt kết quả. Từ tháng 7/2019 đến nay, vợ chồng sống ly thân và không quan tâm đến nhau. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng trong thực tế không còn, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chị P, anh T thuận tình ly hôn là có căn cứ, cần chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Chứng cứ thu thập được cho thấy chị P, anh T đều đang ở cùng nhà với bố mẹ đẻ của mình và đều có nghề nghiệp là lao động tự

do, thu nhập ở mức trung bình trên địa bàn nên nếu giao 02 con cho một người trực tiếp nuôi dưỡng sẽ có khó khăn về kinh tế và điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con. Đồng thời, con chung là cháu N đã trên 07 tuổi có nguyện vọng muốn được ở cùng anh T, con chung là cháu V 02 tuổi còn nhỏ tuổi, cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ. Do vậy, để đảm bảo sự phát triển toàn diện của con chung, cần giao con chung là Nguyễn Thị Hà V cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là Nguyễn Xuân N cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Do các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 55; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung là Nguyễn Thị Hà V- sinh ngày 21/12/2017 cho chị Nguyễn Thị P trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung là Nguyễn Xuân N- sinh ngày 11/11/2013 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi xét xử sơ thẩm cho đến khi con chung thành niên (Đủ 18 tuổi). Chị P, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2.2. Chị Nguyễn Thị P, anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án

phí số 0003860 ngày 03/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Chị P đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo đến Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- VKSND tỉnh PHÚ THỌ;
- Chi cục THA DS huyện Cẩm Khê;
- UBND xã P;
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Vũ Văn Thắng